

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-3-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 46/2022/TB-TĐTG ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim C, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1971 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Kim C trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 1988, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn T có 03 người con chung tên: Phạm Thị Kim

H, sinh năm 1988, Phạm Văn C1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990 và Phạm Kim Q, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, từ khi chị và anh Phạm Văn T ly thân đến nay người con chung tên Phạm Kim Q chung sống với chị, còn các con chung tên Phạm Thị Kim H và Phạm Văn C1 hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng; về tài sản chung, chị và anh Phạm Văn T không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chị và anh Phạm Văn T không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh Phạm Văn T sống không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi với nhau, anh Phạm Văn T không quan tâm đến gia đình vợ con, chị và anh Phạm Văn T sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn T không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Kim Q, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, về tài sản chung không có tranh chấp để chị và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận; chị cam kết, chị và anh Phạm Văn T không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Phạm Kim Q như sau:*

Phạm Kim Q là con của anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C, từ khi anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C không chung sống với nhau thì Phạm Kim Q sống chung với mẹ là chị Trần Kim C, tại ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C ly hôn thì Phạm Kim Q có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Trần Kim C. Phạm Kim Q cam kết lời trình bày là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2021, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C, cư trú tại ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay anh Phạm Văn T vắng mặt ở nhà, thời gian đi về không xác định được. Trong quá trình chung sống anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C xảy ra mâu thuẫn, do anh Phạm Văn T và chị Trần Kim C không thống nhất công việc làm ăn kinh tế trong gia đình nên anh chị thường xuyên cự cãi và ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Từ khi anh chị ly thân đến nay con chung của anh chị chung sống với chị Trần Kim C.

** Bị đơn anh Phạm Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phạm Văn T nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Trần Kim C nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Kim C và sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Trần Kim C và Phạm Văn T ngày 07/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã T; Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị Kim H; Giấy phép lái xe Phạm Văn C1; Giấy khai sinh Phạm Kim Q, sinh ngày 06/5/2009; Đơn xin xác nhận nơi cư trú đương sự ngày 18/02/2020 của chị Trần Kim C; Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Phạm Kim Q; Biên bản xác minh ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Kim C yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Kim Q đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung, chị cam kết, chị và anh Phạm Văn T không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Kim C yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T và được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Kim C được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao người con chung của anh chị tên Phạm Kim Q cho chị Trần Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Kim C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Trần Kim C tự xác định và cam kết không có tài sản chung, không tranh chấp và không có nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Kim C yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Trần Kim C khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phạm Văn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa cho anh Phạm Văn T nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị Trần Kim C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Trần Kim C và anh Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 1988, đến ngày 07/7/2004 anh chị đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Tây Yên là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 167, quyền số 01 ngày 07 tháng 7 năm 2004, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Trần Kim C được ly hôn với anh Phạm Văn T, thời gian chung sống với anh Phạm Văn T không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi với nhau, anh Phạm Văn T không quan tâm đến gia đình vợ con, chị và anh Phạm Văn T sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay, chị thấy chị và anh Phạm Văn T không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T

nhưng anh Phạm Văn T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Trần Kim C yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Trần Kim C cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim C, cho chị Trần Kim C được ly hôn với anh Phạm Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Trần Kim C và anh Phạm Văn T có 03 người con chung tên: Phạm Thị Kim H, sinh năm 1988, Phạm Văn C1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990 và Phạm Kim Q, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, từ khi chị và anh Phạm Văn T ly thân đến nay người con chung tên Phạm Kim Q chung sống với chị, còn các con chung tên Phạm Thị Kim H và Phạm Văn C1 hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng. Khi ly hôn chị Trần Kim C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Kim Q theo nguyện vọng của con anh chị nhưng anh Phạm Văn T không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng con chung của anh chị tên Phạm Thị Kim H và Phạm Văn C1 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Kim Q từ trước đến nay chung sống với chị Trần Kim C, thích nghi với cuộc sống hiện tại, có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị Trần Kim C nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến của chị Trần Kim C, ý kiến nguyện vọng của Phạm Kim Q, giao con chung của anh chị tên: Phạm Kim Q, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho chị Trần Kim C tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Phạm Kim Q là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Kim C không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Trần Kim C tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không tranh chấp, chị Trần Kim C cam kết chị và anh Phạm Văn T không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim C được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên: Phạm Kim Q, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho chị Trần Kim C tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Phạm Kim Q, hiện nay đang chung sống với chị Trần Kim C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Kim C không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Kim C tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không tranh chấp và chị Trần Kim C cam kết chị và anh Phạm Văn T không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007363 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Kim C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 08/3/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Điều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo